

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HSST

Ngày: 28-6-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Sáng; bà Nguyễn Thị mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2023/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐ–XX ngày 12 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Hoàng A; tên gọi khác: không; sinh năm 1998; Tại: Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp TQ, xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh B, sinh năm 1974 và bà Thạch Quảng C, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 16 tháng 3 năm 2023, phạm tội “trộm cắp tài sản” và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 3 năm 2023 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm: 1998; Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn 9, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Bích E, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Dương Thị F, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn 9, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Hoàng A từ tỉnh Sóc Trăng đến nhà G (*không rõ họ tên*) tại thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập để lượm điều thuê. Khoảng 11 giờ, ngày 16 tháng 3 năm 2023 A đi từ vườn điều nhà G đến ngã ba thôn 3, xã ĐỒ để mua nước uống tại quán nước của bà Phạm Thị Bích D. Lúc này, bà D đang đi đám cưới và nhờ bà Dương Thị F (*mẹ của bà D*) trông nhà và bán nước giúp. Sau khi nói với bà F để mua một ly trà sữa thì lúc này A xin bà F cho đi vệ sinh thì bà F đồng ý. Khi đi vệ sinh, A nhìn thấy phòng ngủ của nhà bà F không đóng cửa và không có ai trong phòng. Sau khi đi vệ sinh xong A đi lên thấy bà F đang làm nước uống nên đi vào phòng ngủ, kéo ngăn tủ ra phát hiện có 01 ví da màu trắng xám và 01 xấp tiền lẻ bên ngoài ví, A để ví và tiền kẹp vào thắt lưng quần. Sau đó, tiếp tục mở ngăn tủ khác phát hiện có 01 ví da màu xám thấy có tiền bên trong A tiếp tục bỏ vào thắt lưng quần và đi ra ngoài lấy nước thanh toán tiền rồi đi về vườn điều nhà G. A đưa 02 ví tiền cho bà Huỳnh Thị Bích E (*sống chung như vợ chồng*) nói là nhặt được. bà E mở ví lấy tiền đếm được tổng số tiền 5.699.000 đồng. Sau đó, A và bà E cùng đi cắt tóc. Do lo sợ bị phát hiện nên A đã đến Công an xã ĐỒ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Công an xã ĐỒ lập biên bản đầu thú và thu giữ những đồ vật sau:

Số tiền 5.699.000 đồng; 01 ví màu trắng; 01 ví ca rô sen kẽ màu vàng nhạt và màu xám; 01 thẻ ATM.

Cùng ngày, ông Phạm Minh Đ (*chồng của bà D*) phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo công an giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 5.699.000 đồng là tài sản hợp pháp của ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Thị Bích D. Do đó, cần trả lại cho ông Đ và bà D.

Đối với 01 ví nữ caro xen kẽ màu vàng nhạt và xám, 01 ví nữ màu trắng có họa tiết nhãn hiệu GC và nhiều hoa văn trên ví; 01 thẻ ATM. Đây là tài sản của bà Phạm Thị Bích D. Tuy nhiên, không còn giá trị sử dụng và bà D không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại là bà D, ông Đ không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Tại bản Cáo trạng số: 44/CTr-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo Lê Hoàng A về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; 50 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Hoàng A từ 06-09 tháng tù.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng số 44/CTr-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố các bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tiếp nhận người ra tự thú; kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài nên khoảng 11 giờ 00 phút ngày 16 tháng 3 năm 2023, bị cáo Lê Hoàng A đã lén lút trộm cắp chiếm đoạt số tiền 5.699.000 đồng của bà Phạm Thị Bích D và ông Phạm Minh Đ tại thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập. Do vậy, hành vi của bị cáo A đã phạm tội “*trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân nên khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản của những người bị hại, bị cáo đã lén lút trộm cắp chiếm đoạt của bà D, ông Đ số tiền là 5.699.000 đồng. Xét tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã

đến cơ quan Công an đầu thú. Do vậy, được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 5.699.000 đồng là tài sản hợp pháp của ông Đ và bà D. Do đó, cần trả lại cho ông Đ và bà D.

- Đối với 01 ví nữ caro xen kẽ màu vàng nhạt và xám, 01 ví nữ màu trắng có họa tiết nhãn hiệu GC và nhiều hoa văn trên ví; 01 thẻ ATM. Đây là tài sản của bà Phạm Thị Bích D, ông Phạm Minh Đ. Tuy nhiên, không còn giá trị sử dụng và bà D, ông Đ không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là bà D, ông Đ không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

[8] Đối với bà Huỳnh Thị Bích E quá trình bị cáo A đưa số tiền trộm cắp được cho bà E đếm thì bà E không biết được đó là tiền do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề để xem xét.

[9] Đối với lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện đề nghị đối với bị cáo từ 06-09 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội một thời gian nhất định mà chỉ cần cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho mình và qua đó cũng thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo **Lê Hoàng A** (tên gọi khác: không) phạm tội “*trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 65 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng A 06 (*sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Hoàng A tại phiên tòa nếu bị cáo không phạm tội khác.

Tuyên giao bị cáo cho UBND xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét

4. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tuyên trả lại cho bà Phạm Thị Bích D và ông Phạm Minh Đ số tiền 5.699.000 đồng

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 ví nữ caro xen kẽ màu vàng nhạt và xám, 01 ví nữ màu trắng có họa tiết nhãn hiệu GC và nhiều hoa văn trên ví; 01 thẻ ATM.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008831; Quyển số 0177; Ký hiệu D47/2017 ngày 21 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã ĐỐ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VĂN PHÚ VINH